

Khảo sát năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan

Trần Thị Hằng^{1*}, Tôn Nữ Minh Đức¹, Nguyễn Thị Anh Phương¹, Trần Thị Nguyệt¹
(1) Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Năng lực thực hành lâm sàng (NLTHLS) của sinh viên điều dưỡng là yếu tố cốt lõi liên quan đến tiêu chuẩn nghề nghiệp và an toàn người bệnh. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định NLTHLS của sinh viên Điều dưỡng (SVDD) và các yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp định tính và định lượng trên 306 SVDD đã tham gia thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Nội dung nghiên cứu gồm 3 phần: (1) Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu; (2) NLTHLS của SVDD được đánh giá bằng bộ câu hỏi Clinical Competency Measurement Tool gồm 34 câu hỏi được chia làm 5 lĩnh vực: Quy trình điều dưỡng, Kỹ năng điều dưỡng, Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giao tiếp, Phát triển chuyên môn; và (3) Các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp nâng cao NLTHLS. **Kết quả:** NLTHLS của SVDD đạt điểm trung bình với $3,47 \pm 0,34/5$ điểm; trong đó, NL phát triển chuyên môn đạt điểm cao nhất với $3,60 \pm 0,45$ điểm và Kỹ năng điều dưỡng đạt điểm thấp nhất với $3,29 \pm 0,44$ điểm. Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa NLTHLS của SVDD với mức độ hài lòng về THLS ($p < 0,001$); phương pháp học THLS ($p = 0,001$) và khối lớp ($p < 0,001$). Kết quả phân tích định tính cho thấy một góc nhìn toàn diện về các yếu tố ảnh hưởng đến NLTHLS của SVDD bao gồm: Yếu tố từ cá nhân sinh viên, yếu tố liên quan đến giảng viên và môi trường THLS. **Kết luận:** NLTHLS của SVDD đạt mức trung bình; cần có các biện pháp nâng cao mức độ hài lòng về THLS cũng như cần có chiến lược và phương pháp học tập riêng phù hợp với bản thân sinh viên để nâng cao NLTHLS.

Từ khóa: Năng lực lâm sàng, thực hành lâm sàng, sinh viên điều dưỡng.

Abstract

Exploring clinical competency of nursing students and related factors

Tran Thi Hang^{1*}, Ton Nu Minh Duc¹, Nguyen Thi Anh Phuong¹, Tran Thi Nguyet¹
(1) Faculty of Nursing, University of Medicine and Pharmacy, Hue University

Introduction: The clinical competence of nursing students is a core factor in relation to professional standards and patient safety. **Objectives:** This study aims to determine the clinical competence of nursing students and related factors. **Methodology:** A descriptive cross-sectional study, combining quantitative and qualitative methods, was conducted on 306 nursing students who participated in clinical practice at the hospital. The research content consists of 3 parts: (1) General characteristics of the research objects; (2) The clinical competence of nursing students is assessed by the Clinical Competency Measurement Tool questionnaire consisting of 34 questions divided into 5 domains: Nursing process, Nursing skills, Nursing Leadership, Communication, Professional development; and (3) The influencing factors and propose solutions to improve clinical competence. **Results:** The clinical competence of nursing students reached the average level with $3.47 \pm 0.34/5$ points; the Professional development ability got the highest score with 3.60 ± 0.45 points and the Nursing skill got the lowest score with 3.29 ± 0.44 points. There was a statistically significant relationship between the clinical competence of nursing students and the level of satisfaction with clinical practice ($p < 0.001$); clinical practice learning method ($p = 0.001$) and grade level ($p < 0.001$). The results of the qualitative analysis show a more comprehensive view of the factors affecting the clinical competence of nursing students, including factors from individual students, factors related to clinical lecturers and the clinical practice environment. **Conclusion:** The clinical competence of nursing students reached the average level. It is necessary to improve the level of clinical practice satisfaction as well as to find out appropriate strategies and learning methods for nursing students to enhance their clinical competence.

Keywords: clinical competence, clinical practice, nursing students.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hành lâm sàng (THLS) đối với sinh viên y khoa nói chung và sinh viên điều dưỡng (SVDD) nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao kiến thức, phán đoán và kỹ năng phù hợp trong môi trường lâm sàng [1]. Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng đã được đề cập đến như là mục tiêu chính và là tiêu chí hiệu quả trong giáo dục điều dưỡng, bao gồm khả năng áp dụng kiến thức và thông tin, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, người nhà và giao tiếp giữa các cá nhân, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng thực hiện các thủ thuật điều dưỡng [2]. Bên cạnh đó, năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng là yếu tố cốt lõi liên quan đến tiêu chuẩn nghề nghiệp và an toàn người bệnh [3]; do đó đánh giá năng lực thực hành lâm sàng là một yếu tố quan trọng đối với các nhà giáo dục và quản lý.

Là một điều dưỡng tương lai, sinh viên điều dưỡng cần phải có năng lực thực hành lâm sàng tốt để phù hợp với nghề nghiệp và đáp ứng nhu cầu chăm sóc cho bệnh nhân. Vì thế, từ khi còn là sinh viên, năng lực điều dưỡng cơ bản cần được trau dồi bằng cách tiếp thu lý thuyết điều dưỡng cũng như áp dụng các kỹ năng vào thực tiễn thông qua thực hành lâm sàng [4]. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên, bao gồm học lực, nhận thức về nghề điều dưỡng, tư duy phản biện, mức độ hài lòng khi thực tập lâm sàng,... [4], [5], [6] và trên thực tế vẫn có nhiều sinh viên điều dưỡng sau khi tốt nghiệp không đủ tự tin khi vào làm việc trong môi trường lâm sàng do thiếu năng lực thực hành lâm sàng. Tác giả Wu, X. V. cũng đã chỉ ra rằng, mặc dù sự tham gia tích cực của sinh viên vào thực hành công việc của điều dưỡng tại bệnh viện giúp nâng cao khả năng học tập, tuy nhiên việc tiếp xúc với môi trường lâm sàng thực tế luôn tạo ra những tình huống căng thẳng cho sinh viên [7].

Do đó, để có thể cung cấp dữ liệu cơ bản nhằm xây dựng các phương pháp và chương trình giảng dạy hiệu quả giúp cải thiện năng lực thực hành lâm sàng cho sinh viên điều dưỡng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài **“Khảo sát năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan”** với các mục tiêu sau:

1. Đánh giá NLTHLS của sinh viên Điều dưỡng.

2. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến NLTHLS của sinh viên Điều dưỡng.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành trên 306 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 đã tham gia

thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: sinh viên có kinh nghiệm tham gia thực hành lâm sàng tại bệnh viện và đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên không có mặt tại thời điểm nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu: nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang, kết hợp định lượng và định tính

2.4. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ với 358 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4, trong đó có 12 sinh viên vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu, sau khi tiến hành làm sạch số liệu và loại bỏ 40 phiếu không hợp lệ, nghiên cứu được tiến hành trên 306 sinh viên, với tỷ lệ tham gia nghiên cứu là 85,5%.

2.5. Nội dung và các biến số nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu được thiết kế gồm 3 phần theo mục tiêu nghiên cứu:

- **Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu:**

+ Đặc điểm về nhân khẩu học gồm biến tuổi, giới tính, khu vực sinh sống, khối lớp theo học, xếp loại học lực

+ Đặc điểm về trải nghiệm tham gia thực hành lâm sàng gồm biến kinh nghiệm THLS, mức độ hài lòng về THLS, phương pháp học, mức độ căng thẳng khi THLS.

- **Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng:**

+ Sử dụng bộ công cụ Clinical Competency Measurement Tool của tác giả Kim, B.Y. [8] để đánh giá năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên, bao gồm 34 câu hỏi được chia làm 5 lĩnh vực: Quy trình điều dưỡng (5 câu), Kỹ năng điều dưỡng (5 câu), Kỹ năng lãnh đạo (12 câu), Kỹ năng giao tiếp (7 câu), Phát triển chuyên môn (5 câu). Tất cả câu hỏi được đánh giá theo thang điểm Likert 5 mức độ từ Hoàn toàn không đồng ý đến Hoàn toàn đồng ý (1 đến 5 điểm). Độ tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo trong nghiên cứu này là 0,94.

- **Yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng:** phân tích định tính trên 306 sinh viên tham gia nghiên cứu thông qua các câu hỏi mở để tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu: nghiên cứu viên tổ chức thu thập số liệu bằng phương pháp phát vấn bộ công cụ được thiết kế sẵn. ĐTNC được thông báo mục đích nghiên cứu và giải thích rõ các thắc mắc nếu có.

2.7. Phương pháp phân tích số liệu:

- Số liệu định lượng được nhập, xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Tỷ lệ phần trăm và phân bố tần suất, trung bình và độ lệch chuẩn được dùng để mô tả các biến số. Sử dụng phân tích hồi quy đa biến để phân tích năng lực thực hành lâm sàng và các yếu tố liên quan với mức ý nghĩa $p < 0,05$.

- Số liệu định tính được xử lý và phân tích theo phương pháp Phân tích nội dung. Những ý kiến tiêu

biểu của ĐTNC được lựa chọn để trích dẫn minh họa.

2.8. Đạo đức trong nghiên cứu:

Đề cương nghiên cứu được thông qua bởi Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế trước khi tiến hành thu thập số liệu. Mục đích và nội dung của nghiên cứu được giải thích rõ ràng trước khi tiến hành khảo sát. Mọi thông tin cá nhân về ĐTNC được giữ kín, thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

3.1.1. Đặc điểm về nhân khẩu học

Bảng 1. Đặc điểm về nhân khẩu học của ĐTNC

	Biến số	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn	21,60 $\pm$ 0,64 (21 – 24)	
Giới	Nữ	283	92,5
	Nam	23	7,5
Sinh viên khối lớp	Năm thứ 3	156	51
	Năm thứ 4	150	49
Điểm trung bình	Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn	2,85 $\pm$ 0,37 (1,84 – 3,76)	
Xếp loại học lực	Yếu/ Kém	2	0,7
	Trung bình	41	13,4
	Khá	196	64,1
	Giỏi/ Xuất sắc	50	16,3

Nhận xét: Tuổi trung bình của ĐTNC là 21,60 $\pm$ 0,64 tuổi; trong đó chủ yếu là SV nữ với tỷ lệ 92,5%. Tỷ lệ ĐTNC sống ở khu vực nông thôn là 70,3%. Tỷ lệ tham gia nghiên cứu khá đồng đều giữa SV năm 3 và năm 4; và có 80,4% sinh viên có học lực từ Khá trở lên.

3.1.2. Đặc điểm về học tập của ĐTNC

Bảng 2. Đặc điểm về học tập của ĐTNC

	Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Kinh nghiệm thực hành lâm sàng	Tổng thời gian THLS	Năm 3: 24 tuần Năm 4: 50 tuần	
	Số Khoa phòng đã THLS	Năm 3: 14 khoa Năm 4: 20 khoa	
Phương pháp học THLS	Tự học	121	39,5
	Học nhóm	172	56,2
Mức độ căng thẳng khi thực hành lâm sàng	Mức độ nhẹ	51	16,7
	Mức độ trung bình	210	68,6
	Mức độ nặng	42	13,7
Mức độ hài lòng về chuyên ngành điều dưỡng	Không hài lòng	19	6,2
	Bình thường	194	63,4
	Hài lòng	93	30,4
Mức độ hài lòng về thực hành lâm sàng	Không hài lòng	14	4,6
	Bình thường	191	62,4
	Hài lòng	101	33

Nhận xét: sinh viên năm 3 có kinh nghiệm THLS tại 14 khoa phòng trong thời gian 24 tuần, trong khi đó sinh viên năm 4 có thời gian THLS là 50 tuần và đã thực hành tại 20 khoa phòng khác nhau. Phương pháp khi thực hành lâm sàng được nhiều sinh viên áp dụng là phương pháp học nhóm với tỷ lệ 56,2%. Có đến 68,6% sinh viên cảm thấy căng thẳng ở mức độ trung bình khi tham gia thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Tỷ lệ ĐTNC cảm thấy hài lòng về chuyên ngành điều dưỡng và hài lòng về việc thực hành lâm sàng tại bệnh viện lần lượt là 30,4% và 33%.

3.2. Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng

3.2.1 Đánh giá Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng

Bảng 3. Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng

Năng lực TH lâm sàng	Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất - Lớn nhất
Quy trình điều dưỡng (5 câu)	3,41 $\pm$ 0,39	2,2 - 4,6
Kỹ năng điều dưỡng (5 câu)	3,29 $\pm$ 0,44	2 - 4,4
Kỹ năng lãnh đạo (12 câu)	3,47 $\pm$ 0,38	2 - 4,58
Kỹ năng giao tiếp (7 câu)	3,54 $\pm$ 0,43	2 - 4,71
Phát triển chuyên môn (5 câu)	3,60 $\pm$ 0,45	2,2 - 5
Năng lực TH lâm sàng chung	3,47 $\pm$ 0,34	2,29 - 4,47

Nhận xét: NLTHLS của sinh viên điều dưỡng đạt điểm trung bình với 3,47 $\pm$ 0,34/5 điểm. Trong đó, năng lực phát triển chuyên môn đạt điểm số cao nhất với 3,60 $\pm$ 0,45 điểm và Kỹ năng điều dưỡng của sinh viên đạt điểm số thấp nhất với 3,29 $\pm$ 0,44 điểm.

Bảng 4. Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4

Năng lực TH lâm sàng	Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn	
	SV năm 3 (n=156)	SV năm 4 (n=150)
Quy trình điều dưỡng (5 câu)	3,32 $\pm$ 0,34	3,50 $\pm$ 0,43
Kỹ năng điều dưỡng (5 câu)	3,26 $\pm$ 0,43	3,32 $\pm$ 0,45
Kỹ năng lãnh đạo (12 câu)	3,42 $\pm$ 0,35	3,53 $\pm$ 0,41
Kỹ năng giao tiếp (7 câu)	3,49 $\pm$ 0,39	3,59 $\pm$ 0,45
Phát triển chuyên môn (5 câu)	3,57 $\pm$ 0,45	3,63 $\pm$ 0,45
Năng lực TH lâm sàng chung	3,42 $\pm$ 0,29	3,52 $\pm$ 0,38

Nhận xét: Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng năm thứ 4 (3,52 $\pm$ 0,38 điểm) cao hơn so với năng lực THLS của sinh viên năm 3 (3,42 $\pm$ 0,29 điểm) và sinh viên năm 4 có điểm số năng lực THLS cao hơn ở cả 5 lĩnh vực.

3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng

Bảng 5. Yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD

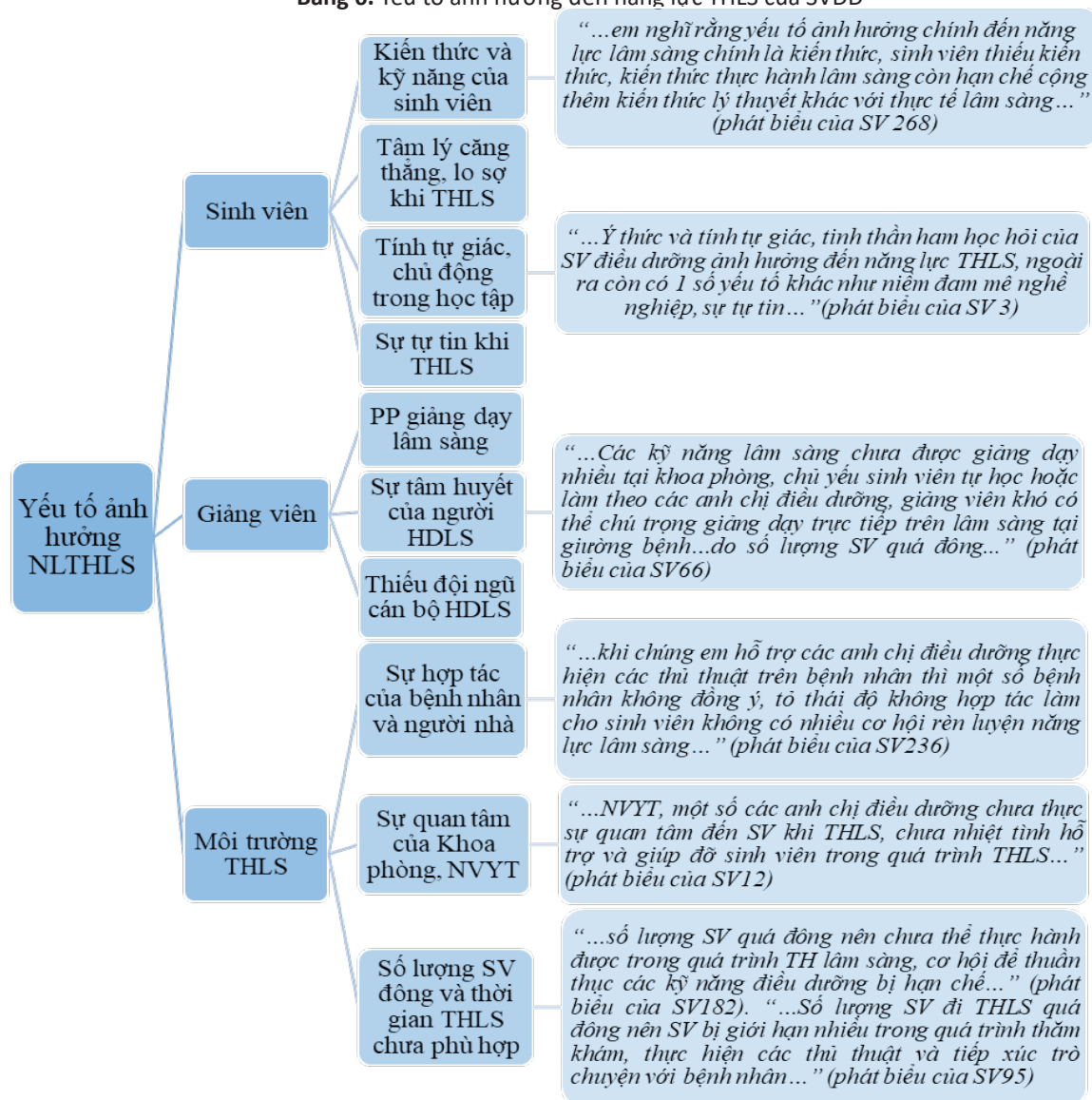
Đặc điểm	B	t	R ² (R ² hiệu chỉnh)	F	p
Hằng số	2,51	14,49			
Mức độ hài lòng về chuyên ngành điều dưỡng	0,07	1,83			0,07
Mức độ hài lòng THLS	0,16	4,14	0,20	11,284	< 0,001
Hình thức học lâm sàng	0,14	3,49	(0,183)		0,001
Giới tính	0,06	0,78			0,44
Khối lớp	0,17	4,04			< 0,001
Học lực	0,05	1,58			0,12

Nhận xét: Qua phân tích hồi quy đa biến, yếu tố hài lòng về THLS ($p<0,001$); phương pháp học THLS ($p=0,001$) và khối lớp ($p<0,001$) là các yếu tố độc lập có ý nghĩa dự đoán NLTHLS của sinh viên điều dưỡng. Các yếu tố này giải thích được 18,3% ($R^2=0,183$) NLTHLS của ĐTNC khi tham gia thực hành

lâm sàng tại bệnh viện.

Bên cạnh đó, kết quả phân tích định tính cho thấy một góc nhìn toàn diện hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng bao gồm: Yếu tố từ sinh viên, yếu tố liên quan đến giảng viên và môi trường THLS

Bảng 6. Yếu tố ảnh hưởng đến năng lực THLS của SVĐD



Kết quả phân tích định tính cũng đã tìm ra một số giải pháp, đề xuất nhằm nâng cao năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD, bao gồm: trang bị, nâng cao kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng lâm sàng của SV; chủ động, tích cực trong học tập; học hỏi kinh nghiệm; tạo môi trường THLS thoải mái, chuyên nghiệp; giảng viên tích cực hướng dẫn trực tiếp trên lâm sàng; có biện pháp quản lý và đánh giá

SV phù hợp; giảm số lượng SV và tăng thời gian THLS tại mỗi Khoa phòng.

"...Chủ động, tích cực tìm hiểu, nâng cao kiến thức chuyên môn, tăng cường đọc sách, báo liên quan đến chuyên ngành điều dưỡng để có thể đưa ra các nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc phù hợp..." (phát biểu của SV8)

"Sinh viên cần chủ động, tích cực, chăm chỉ đi

lâm sàng, tích cực giao tiếp, tạo mối quan hệ thân thiện với bệnh nhân, người nhà và NVYT” - (phát biểu của SV12)....“chủ động đi theo học hỏi các anh chị năm 4, các anh chị điều dưỡng và cả bác sỹ để học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu thêm kiến thức cũng như kỹ năng lâm sàng” - (phát biểu của SV241)

“...giảng viên hướng dẫn giảng dạy dựa trên case lâm sàng cụ thể của Khoa phòng, dạy trực tiếp trên bệnh nhân...”; “...Giảng viên nên giảng dạy trực tiếp tại lâm sàng thường xuyên hơn, tổ chức giảng dạy cho sinh viên kỹ năng lâm sàng thực tế, trực tiếp trên bệnh nhân tại khoa phòng...” (phát biểu của SV38, SV251)

“...giảng viên hướng dẫn nên thường xuyên kiểm tra sinh viên, giám sát trực tiếp tại khoa phòng và hướng dẫn cho SV nếu SV làm chưa đúng kỹ thuật...” - (phát biểu của SV57).... “...Tập trung đánh giá kỹ năng lâm sàng của SV, đánh giá trực tiếp bằng cách đánh giá năng lực thực hành lâm sàng của SV, giảm bớt việc làm bệnh án và nhật ký lâm sàng...” (phát biểu của SV42, SV68).

“...Tăng thời gian THLS tại mỗi khoa vì nếu chỉ đi 1-2 tuần thì chúng em không thể học và thực hành tốt những kiến thức và kỹ năng mà chỉ ở mức độ thích nghi và đến khi chúng em bắt đầu quen với công việc tại Khoa thì hết thời gian và phải chuyển sang Khoa mới” - (phát biểu của SV79).... “...chia từng nhóm nhỏ khi THLS để mỗi SV đều có cơ hội tiếp cận và thực hành trên bệnh nhân, vì hiện nay số lượng sinh viên đông hơn rất nhiều so với số lượng công việc mà SV có thể thực hành trên lâm sàng” - (phát biểu của SV298).

4. BÀN LUẬN

4.1. Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 3 cho thấy năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng đạt ở mức trung bình với $3,47 \pm 0,34/5$ điểm. Trong đó, năng lực phát triển chuyên môn của SVĐD đạt điểm số cao nhất với $3,60 \pm 0,45$ điểm và Kỹ năng điều dưỡng của sinh viên đạt điểm số thấp nhất với $3,29 \pm 0,44$ điểm. Kết quả nghiên cứu của Eun Young Oh [9] cho thấy năng lực thực hành lâm sàng của 201 sinh viên điều dưỡng đạt $3,95 \pm 0,50$ điểm cao hơn so với nghiên cứu của bà, lĩnh vực phát triển chuyên môn đạt điểm số cao nhất ($4,02 \pm 0,57$) và kỹ năng điều dưỡng có điểm số thấp nhất ($3,90 \pm 0,63$) là tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi.

Ngoài ra, năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD trong nghiên cứu của chúng tôi cũng khá tương đồng với nghiên cứu của tác giả Cho, G. Y. ($3,51 \pm$

$0,56$ điểm) [10]; tác giả Kim, RW. ($3,4 \pm 0,48$) [5]; thấp hơn so với nghiên cứu của Jung, JS. ($3,77 \pm 0,46$ điểm) [11]; Oh, EY. ($3,67 \pm 0,52$ điểm) [12]. Sự khác biệt về điểm số năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD có thể là do chúng tôi sử dụng bộ công cụ đo lường đã hiệu chỉnh từ bộ công cụ gốc gồm 45 câu hỏi mà các nghiên cứu này đã sử dụng.

Tuy SVĐD có năng lực thực hành lâm sàng ở mức trung bình cao, nhưng kỹ năng điều dưỡng và quy trình điều dưỡng vẫn còn hạn chế. Điều này có thể được giải thích là vì những quy định nghiêm ngặt trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe liên quan đến vấn đề pháp lý nên sinh viên điều dưỡng khó có thể thực hiện các kỹ năng điều dưỡng trực tiếp trên bệnh nhân. Bên cạnh đó, tâm lý căng thẳng và chưa đủ tự tin khi giao tiếp và thực hiện thủ thuật trên bệnh nhân cũng góp phần làm cho năng lực thực hành các kỹ năng điều dưỡng còn ở mức thấp.

Bảng 4 cho thấy, năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên năm 4 ($3,52 \pm 0,38$ điểm) cao hơn so với sinh viên năm 3 ($3,42 \pm 0,29$ điểm) và điểm số năng lực THLS cao hơn ở cả 5 lĩnh vực. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Oh và cộng sự, nghiên cứu tìm thấy sinh viên năm 4 ($4,04 \pm 0,49$ điểm) có năng lực THLS cao hơn đáng kể so với sinh viên năm 3 ($3,87 \pm 0,50$ điểm) [9]. Điều này một phần có thể được giải thích rằng sinh viên năm 4 có kinh nghiệm THLS tương đối nhiều hơn so với sinh viên năm 3, tổng cộng sinh viên năm 4 đã THLS 50 tuần và thực hành 24 khoa phòng khác nhau so với sinh viên năm 3 chỉ mới THLS 24 tuần và thực hành tại 14 khoa phòng. Việc thực hành lâm sàng tại nhiều khoa phòng khác nhau cùng với kinh nghiệm thực hành trong thời gian dài là cơ hội để sinh viên rèn luyện các kỹ năng và quy trình điều dưỡng, có thêm nhiều kinh nghiệm từ thực tế lâm sàng, từ đó giúp nâng cao năng lực thực hành lâm sàng cho sinh viên.

4.2. Yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD

Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy, năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD có liên quan đến các yếu tố sau: mức độ hài lòng về THLS ($p < 0,001$); phương pháp học THLS ($p = 0,001$) và khối lớp ($p < 0,001$) (Bảng 5). Các yếu tố độc lập này giải thích được 18,3% ($R^2 = 0,183$) năng lực thực hành lâm sàng của ĐTNC khi tham gia thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

Kết quả này có thể được giải thích rằng khi sinh viên cảm thấy hài lòng về việc học THLS sẽ góp phần thúc đẩy tính tích cực và chủ động học tập của sinh viên từ đó nâng cao năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD. Bảng 2 cho thấy sinh viên năm 4 có kinh nghiệm THLS tương đối nhiều hơn so với sinh viên năm 3, tổng cộng sinh viên năm 4 đã THLS 50 tuần và

thực hành 24 khoa phòng khác nhau so với sinh viên năm 3 chỉ mới THLS 24 tuần và thực hành tại 14 khoa phòng, điều này có thể giải thích sự khác biệt về năng lực lâm sàng giữa 2 khối lớp. Và kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng, năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên năm 4 ($3,52 \pm 0,38$ điểm) cao hơn so với sinh viên năm 3 ($3,42 \pm 0,29$ điểm) và điểm số năng lực THLS cao hơn ở cả 5 lĩnh vực (Bảng 4).

Phương pháp học THLS cũng sẽ ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên, mỗi sinh viên cần có chiến lược và phương pháp học tập riêng phù hợp với bản thân để có thể nâng cao năng lực thực hành lâm sàng. Khác với kết quả nghiên cứu của Cho, H. (2009): Năng lực thực hành lâm sàng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm theo độ tuổi (khối lớp) ($F = 3,86, p = 0,02$), mức độ hài lòng về thực hành lâm sàng ($F = 18,13, p = 0,00$) và cả mức độ hài lòng về chuyên ngành điều dưỡng ($F = 6,59, p = 0,00$) [6]. Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa yếu tố giới tính, học lực và mức độ hài lòng về nghề điều dưỡng với năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên. Nghiên cứu của Oh, EY. và nghiên cứu của Jung, JS. cũng cho thấy giới tính không phải là yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng [9], [11].

Bên cạnh đó, kết quả phân tích định tính được tổng hợp ở Bảng 6 cho thấy các yếu tố chính ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng, bao gồm: Kiến thức và kỹ năng của sinh viên; Tính tự giác, chủ động trong học tập; Sự tự tin và tâm lý căng thẳng khi THLS; ngoài ra các yếu tố xuất phát từ phía giảng viên như phương pháp giảng dạy và mức độ tận tình hướng dẫn của giảng viên cũng như sự hợp tác của bệnh nhân và người nhà; sự hỗ trợ từ Khoa phòng, NVYT và số lượng sinh viên đồng và thời gian THLS chưa phù hợp là những yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng. Kiến thức chuyên môn chưa đầy đủ và kỹ năng THLS chưa thành thạo dẫn đến tâm lý căng thẳng, chưa tự tin

khi THLS. Điều này cũng góp phần giải thích được lý do khía cạnh Kỹ năng điều dưỡng và quy trình điều dưỡng của ĐTNC đạt điểm số thấp nhất trong năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên. Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của (Hyeonok Kang, 2009), kết quả nghiên cứu của ông chỉ ra rằng, sinh viên khó có thể áp dụng các quy trình điều dưỡng đã học lý thuyết ở giảng đường vào thực tế trên bệnh nhân [13]. Theo Kim, HS, căng thẳng khi THLS có ảnh hưởng đáng kể đến năng lực thực hành lâm sàng của SVĐD, do đó cần có các chiến lược hiệu quả để đối phó với căng thẳng khi THLS [14].

5. KẾT LUẬN

Năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng đạt mức trung bình với $3,47 \pm 0,34/5$ điểm. Trong đó, năng lực phát triển chuyên môn đạt điểm số cao nhất với $3,60 \pm 0,45$ điểm và Kỹ năng điều dưỡng của sinh viên đạt điểm số thấp nhất với $3,29 \pm 0,44$ điểm.

Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng gồm: Mức độ hài lòng về THLS ($p < 0,001$); phương pháp học THLS ($p = 0,001$) và khối lớp ($p < 0,001$). Bên cạnh đó, kết quả phân tích định tính cho thấy sinh viên, giảng viên và môi trường THLS là các yếu tố chính tác động đến năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng.

6. KIẾN NGHỊ

Sinh viên cần trang bị và nâng cao kiến thức chuyên môn; rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng điều dưỡng cũng như chủ động, tích cực trong học tập để nâng cao năng lực thực hành lâm sàng.

Giảng viên, người hướng dẫn lâm sàng cần tích cực hướng dẫn trực tiếp trên lâm sàng; có biện pháp quản lý và đánh giá năng lực SV một cách phù hợp.

Khoa phòng, NVYT tạo điều kiện hỗ trợ, tạo môi trường THLS thoải mái, chuyên nghiệp để nâng cao mức độ hài lòng về THLS của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barrett, C., & Myrick, F. (1998). Job satisfaction in preceptorship and its effect on the clinical performance of the preceptee. *Journal of Advanced Nursing*, 27(2), 364-371.
2. Hakimzadeh, R., Karamdost, N., Memarian, R., Ghodrati, A., & Mirmosavi, J. (2012). Assessing nursing students' clinical competency: self-assessment. *Quarterly Journal of*.
3. Kim, K.H., 2007. Clinical competence among senior nursing students after their preceptorship experiences. *J. Prof. Nurs.* 23 (6), 369-375.
4. Park, H. S., & Han, J. Y. (2015). Self-leadership, critical

thinking disposition, satisfaction of clinical practice and clinical practice competency of nursing students. *Journal of the Korean Data and Information Science Society*, 26(3), 695-706.

5. Kim, R. W. (2017). Effects of empathy, critical thinking skill and nursing perception on clinical competency in nursing students [Master's thesis]. *Gongju: Univ. of Gongju*.

6. Cho, H., & Hong, S. (2009). A study on the relationship between teaching effectiveness of clinical nursing education and clinical competency in nursing students. *Korean Society of Nursing Science*, 336-336.

7. Wu, X. V., Enskär, K., Lee, C. C. S., & Wang, W. (2015). A systematic review of clinical assessment for undergraduate nursing students. *Nurse Education Today*, 35(2), 347-359.
8. Kim, B. Y., Chae, M. J., & Choi, Y. O. (2018). Reliability and validity of the clinical competency scale for nursing students. *Journal of Korean Academy of Community Health Nursing*, 29(2), 220-230.
9. Oh, E. Y. (2021). Effects of Importance in the Knowledge of Nursing Records, Critical Thinking Disposition and Self-confidence of Core Nursing Skills on Clinical Competence with Nursing Students. *Journal of Digital Convergence*, 19(12), 627-639.
10. Cho, G. Y. (2019). The Factors Influencing Clinical Competence of Nursing Students. *Korean Society of Adult Nursing*, 264-264.
11. Jung, J. S. (2012). Relationship of self-directedness and practice satisfaction to clinical practice in nursing students: The mediating effect of clinical competence. *The Journal of Korean Academic Society of Nursing Education*, 18(1), 53-61.
12. Oh, E. Y. (2020). A Study on Relation of between Focusing Manner and Clinical Competence in Nursing Students. *Journal of Digital Convergence*, 18(9), 239-248.
13. Kang, H. O. (2009). A study on the Clinical Performance Ability, Self-Concept of Professional Nursing and Satisfaction with Clinical Practice of Nursing Students. *Keimyung University. Department of Nursing. Graduate School. The Master's thesis*.
14. Kim, H. S. (2002). A study on relationship between stress of clinical practice and clinical competency in nursing students. *Journal of Korean Public Health Nursing*, 16(1), 64-76.